

Soạn văn bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng. Nội dung tài liệu sẽ giúp các bạn nắm chắc nội dung bài học một cách đơn giản nhất. Mời các bạn học sinh và thầy cô cùng tham khảo.

Mẫu 1: Soạn bài lớp 11 Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng

Câu 1 trang 74 SGK Ngữ văn 11 tập 1

a. Từ “lá” dùng theo nghĩa gốc, chỉ một bộ phận của cây, thường rụng, mọc ra từ cành, thực hiện chức năng quang hợp.

b.

- lá gan, lá phổi, lá lách: nghĩa chuyển, chỉ những bộ phận cơ thể người có hình dạng giống chiếc lá, thực hiện một số chức năng nhất định của cơ thể.

- lá thư, lá đơn, lá thiếp, lá phiếu, lá bài: nghĩa chuyển, chỉ những sự vật mỏng, rụng.

- lá cờ, lá buồm: nghĩa chuyển, chỉ sự vật mỏng, được treo gắn vào một vật khác (thường là cột).

- lá cốt, lá chiếu, lá thuyền: nghĩa chuyển, chỉ những vật mỏng, được làm từ tre, nứa.

- lá tôn, lá đồng, lá vàng,...: nghĩa chuyển, chỉ những sự vật đã được cán mỏng, rụng từ kim loại.

Câu 2 tập 1 trang 74 SGK Ngữ văn 11

+ đầu: Đó là một cái đầu rất lăm toan tính.

+ óc: Quả là một bộ óc siêu việt.

+ chân: Tôi đã dành được một chân vào công ty truyền thông của tỉnh.

+ miệng: Cái miệng nhiều lời, vô duyên này luôn khiến người khác khó chịu.

Câu 3 trang 75 tập 1 SGK Ngữ văn 11

+ chua: Những lời chua chát ấy đã làm tổn thương đứa bé.

+ cay, đắng: Cuộc đời mẹ tôi đã trải qua nhiều cay đắng.

+ mặn: Thời tuổi trẻ lam lũ, vất vả đã đúc tạc nên tính cách mặn mòi, mạnh mẽ của anh ấy.

Câu 4 trang 75 SGK tập 1 Ngữ văn 11

+ Đồng nghĩa với cậy: nhờ.

+ Đồng nghĩa với chịu: nhận.

+ Tác giả không dùng các từ đồng nghĩa bởi nó không mang sắc thái biểu đạt cao, không thể hiện được sự tha thiết, khẩn khoản trong lời nói của Kiều.

Câu 5 Ngữ văn 11 trang 75 SGK tập 1

a. Nhật kí trong tù canh cánh một tâm lòng nhớ nước.

b. Anh ấy không liên can gì đến việc này.

c. Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.

Ý

Bài học nhằm nâng cao nhận thức về nghĩa của từ trong sử dụng, giúp học sinh có ý thức và kỹ năng chuyển nghĩa từ, lựa chọn từ ngữ phù hợp, chính xác cho từng hoàn cảnh giao tiếp.

Mẫu 2: Soạn bài lớp 11 Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng

Bài tập 1

a. Từ lá trong câu thơ Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo được dùng theo nghĩa gốc để chỉ một bộ phận của cây.

b. Trong các trường hợp sau, các từ lá được hiểu theo nghĩa chuyên:

- Lá gan, lá phổi, lá lách: Những từ lá ở đây được dùng để chỉ bộ phận của cơ thể, có hình giống như chiếc lá.
- Lá thư, lá đơn, lá phiếu, lá thiếp, lá bài: Những từ lá ở đây được dùng để chỉ những vật có hình dạng mỏng như chiếc lá dùng để ghi hoặc vẽ trên đó một nội dung nào đó.
- Lá cờ, lá buồm: Dùng để chỉ những vật có hình giống chiếc lá nhưng lớn hơn rất nhiều.
- Lá cốt, lá chiếu, lá thuyền: Dùng để chỉ những vật làm bằng chất liệu như gỗ, cội, tre, nứa... có hình dạng như chiếc lá.
- Lá tôn, lá đồng, lá vàng: Dùng chỉ những vật làm bằng kim loại có hình dạng mỏng như chiếc lá.

Bài tập 2

a. Đầu: Đầu xanh có tội tình gì

b. Chân: Anh ấy đã có một chân trong ban giám đốc.

c. Tay: Tay này là một tên giang hồ khét tiếng.

d. Miệng: Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

e. Tim: Bác ơi! Tim Bác mệnh mông thế! Ôm cả non sông cả kiếp người.

Bài tập 3

a. Chua: Nghe giọng cô ấy chua như khế.

b. Ngọt: Anh ấy có chất giọng rất ngọt ngào

c. Bùì: Nghe anh ấy nói tôi cảm thấy bùì tai

Bài tập 4

Từ đồng nghĩa với từ cậy là từ nhờ, đồng nghĩa với từ chịu là từ nhận. Đây là những từ đồng nghĩa nhưng sắc thái biểu cảm lại khác nhau. Nếu thay các từ gốc bằng từ đồng nghĩa thì câu thơ sẽ trở thành:

Nhờ em em có nhận lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Nếu thay thế như vậy, sắc thái ý nghĩa của câu thơ sẽ hoàn toàn thay đổi. Cậy không chỉ đơn thuần là nhờ mà còn cho thấy sự khẩn cầu, sự gửi gắm cả tấm lòng của Thúy Kiều đối với Thúy Vân. Chịu không chỉ là nhận mà còn hàm ý không còn sự lựa chọn nào khác. Nếu dùng từ nhận thì vẫn còn có thể từ chối từ trong câu nói của Kiều, Kiều đã đặt Vân vào tình thế buộc phải chấp nhận, vì hơn ai hết Kiều hiểu rằng sự chấp nhận của Vân trong lúc này là một sự hi sinh. Từ chịu, cậy thể hiện được sự tinh tế của Kiều, đồng thời là sự tài hoa trong cách sử dụng ngôn từ của Nguyễn Du.

Bài tập 5

a. "Nhật kí trong tù" canh cánh một tấm lòng nhớ nước

Từ canh cánh mang nét nghĩa của tất cả các từ trên nhưng còn giúp người đọc hình dung được trạng thái liên tục, ám ảnh, thường trực của tình cảm nhớ nước trong tâm hồn Bác. Các từ khác chỉ mới thể hiện nội dung của tập thơ. Từ canh cánh vừa thể hiện được tình cảm bao trùm ở Nhật kí trong tù, vừa thể hiện tình cảm của Bác.

b. Anh ấy không quan hệ gì đến việc này.

Từ quan hệ có tính trung hòa về sắc thái tình cảm hơn những từ còn lại. Các từ đó đều có ý nghĩa về những việc liên quan nhưng là những việc tạo ra rắc rối, không tốt cho đối tượng được đề cập.

c. Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.

Từ bạn mang sắc thái ý nghĩa trung hòa, vừa thể hiện được nguyện vọng, vừa giữ một mức độ hợp lí, không quá thân mật, nó phù hợp với phong cách ngoại giao hơn.

Mẫu 3: Soạn bài lớp 11 Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng**Câu 1 trang 74 sách giáo khoa Ngữ Văn 11 Tập 1**

a, Trong câu thơ lá vàng trước gió khẽ đưa vèo (Nguyễn Khuyến – Thu điếu), từ lá được dùng theo nghĩa gốc. Đó là nghĩa: chỉ bộ phận của cây, thường ở trên ngọn hay trên cành cây, thường có màu xanh, hình dáng mỏng, có bề mặt.

b, Trong tiếng Việt, từ lá còn được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau:

- lá gan, lá phổi, lá lách, ... từ lá được dùng với các từ chỉ bộ phận cơ thể người.
- lá thư, lá đơn, lá thiếp, lá phiếu, lá bài, ... từ lá được dùng với các từ chỉ vật bằng giấy.
- lá cờ, lá buồm, ... từ lá dùng để chỉ các vật bằng vải.
- lá cốt, lá chiếu, lá thuyền... từ lá dùng với các từ chỉ vật bằng tre, nứa, cỏ, ...
- lá tôn, lá đồng, lá vàng, ... từ lá dùng với các từ chỉ kim loại.

Trong các trường hợp trên, từ lá tuy được dùng với các trường nghĩa khác nhau, nhưng vẫn có điểm chung:

- Khi dùng với các nghĩa đó, từ lá gọi tên các sự vật khác nhau, nhưng các vật đó có điểm tương đồng: đều là các vật có hình dáng mỏng, dẹt, có bề mặt như cái lá cây.
- Do đó các nghĩa của từ lá có quan hệ với nhau (đều chỉ các vật có hình dáng mỏng như lá cây).

Câu 2 Tập 1 trang 74 sách giáo khoa Ngữ Văn 11

Đặt câu với các từ chỉ bộ phận cơ thể người (tay, chân, mặt, miệng...) mang nghĩa chỉ cả con người:

- Nhờ sự chăm chỉ và cống hiến hết mình trong học tập cũng như trong các hoạt động Đoàn thể, anh ấy đã trở thành gương mặt tiêu biểu của trường.

- Một mình bác ấy làm việc để nuôi bốn miệng ăn.
- Anh ấy là một chân trụ vững chắc của cả đội bóng.

Câu 3 trang 75 Tập 1 sách giáo khoa Ngữ Văn 11

Các từ chỉ vị giác có khả năng chuyển sang chỉ đặc điểm của âm thanh (giọng nói), chỉ tính chất của tình cảm, cảm xúc: mặn, ngọt, chua, cay, đắng...

Đặt câu:

- Chị ấy còn trẻ mà phải gặp những cơ cực, cay đắng của cuộc đời.
- Cô ấy có một giọng nói ngọt như mía lùi.
- Anh ấy nói chuyện một cách khinh bỉ, chua chát.

Câu 4 trang 75 sách giáo khoa Tập 1 Ngữ Văn 11

- Từ đồng nghĩa với từ cậy là từ nhờ, giúp... các từ này đều có sự giống nhau về nghĩa. Nhưng từ cậy khác từ nhờ, giúp ở nét nghĩa: dùng từ cậy thể hiện được niềm tin và hiệu quả giúp đỡ từ người khác.
- Từ đồng nghĩa với từ chịu là từ nhận, nghe.... Các từ này đều mang nghĩa chung đó là sự đồng ý, sự chấp nhận với người khác. Tuy vậy:
 - + Từ chịu thuận theo người khác theo một lẽ nào đó mà mình không thể không từ chối được.
 - + Từ nhận là sự tiếp nhận đồng ý một cách bình thường.
 - + Nghe: đồng ý, chấp nhận của kẻ dưới đối với người trên.

Câu 5 Ngữ Văn 11 trang 75 sách giáo khoa Tập 1

a, Chọn từ cạnh cánh vì: từ này khắc họa tâm trạng triền miên của Bác. Khi kết hợp với từ cạnh cánh thì cụm từ làm chủ ngữ “Nhật kí trong tù” được chuyển nghĩa: không chỉ thể hiện tác phẩm, mà còn biểu hiện con người Bác Hồ.

Các từ khác, chỉ nói đến một tấm lòng nhớ nước như là một đặc điểm nội dung của tập thơ Nhật kí trong tù.

b, Trong các từ đã cho, chỉ có thể dùng từ dính dấp hoặc liên can vào trong trường hợp này. Các từ còn lại không phù hợp về ngữ nghĩa hoặc sự kết hợp ngữ pháp.

c, Trong trường hợp này cần dùng từ bạn. các từ bầu bạn, bạn hữu, bạn bè đều có nghĩa chung là bạn, nhưng khác nhau ở chỗ:

- bầu bạn: mang nghĩa khái quát, chỉ tập thể nhiều người, lại có sắc thái gần gũi, mang tính khẩu ngữ. Với câu đã nêu chủ ngữ “Việt Nam” (số ít, trang trọng) nên không thể dùng từ bầu bạn.

- bạn hữu: mang nghĩa cụ thể, gần gũi nên không phù hợp để nói về quan hệ quốc tế.

- bạn bè: vừa có nét khái quát vừa có sắc thái thân mật, suồng sã nên không phù hợp để nói về quan hệ quốc tế.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download soạn văn lớp 11 bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng file word, pdf hoàn toàn miễn phí.